

Số: ~~79~~ /2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 5883 Ngày: 22/7

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê quy định tại Nghị định này bao gồm:

- a) Vi phạm các quy định về điều tra thống kê;
- b) Vi phạm các quy định về báo cáo thống kê;
- c) Vi phạm các quy định về phổ biến và sử dụng thông tin thống kê;
- d) Vi phạm các quy định về lưu trữ tài liệu thống kê;

Điều 2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính

- 1. Cá nhân, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê, điều tra thống kê;
- 2. Cá nhân, tổ chức phổ biến và sử dụng thông tin thống kê;
- 3. Cá nhân, tổ chức được điều tra thống kê.
- 4. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thực hiện hành vi vi phạm thuộc công vụ, nhiệm vụ trong lĩnh vực thống kê được giao thì không bị xử

phạt vi phạm hành chính mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;

5. Cơ quan nhà nước thực hiện hành vi vi phạm thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước về thống kê được giao thì không bị xử phạt vi phạm hành chính mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý hành chính.

Điều 3. Các biện pháp khắc phục hậu quả

Các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Nghị định này bao gồm:

1. Buộc huỷ bỏ báo cáo thống kê.
2. Buộc đình chỉ cuộc điều tra thống kê, thu hồi phiếu, biểu điều tra thống kê; buộc huỷ bỏ quyết định điều tra, phương án điều tra; buộc huỷ bỏ phiếu, biểu điều tra thống kê và buộc huỷ kết quả điều tra thống kê.
3. Buộc khôi phục lại phiếu, biểu điều tra, báo cáo thống kê còn khả năng khôi phục.
4. Buộc đính chính nguồn gốc những thông tin thống kê đã trích dẫn, phổ biến, đăng tải.

Điều 4. Quy định về mức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức

Mức phạt tiền quy định tại Chương II của Nghị định này là mức phạt đối với cá nhân. Mức phạt đối với tổ chức thì bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân có cùng một hành vi vi phạm.

Chương II **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ** **BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

Điều 5. Vi phạm quy định trong các hoạt động điều tra thống kê nhà nước

1. Cảnh cáo đối với hành vi trì hoãn việc thực hiện yêu cầu của điều tra viên thống kê theo quy định của phương án điều tra thống kê;

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nộp chậm phiếu, biểu điều tra thống kê theo phương pháp đối tượng điều tra tự ghi thông tin vào phiếu, biểu điều tra theo hướng dẫn của điều tra viên (viết gọn là phương pháp điều tra gián tiếp) dưới 05 ngày so với thời hạn quy định của phương án điều tra thống kê;

b) Nộp không đủ phiếu, biểu điều tra thống kê theo phương pháp điều tra gián tiếp, so với quy định của phương án điều tra thống kê;

c) Ghi không đủ các thông tin có phát sinh vào phiếu, biểu điều tra theo quy định của phương án điều tra thống kê.

3. Phạt tiền từ trên 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi nộp chậm phiếu, biểu điều tra thống kê theo phương pháp điều tra gián tiếp từ 05 ngày đến dưới 10 ngày so với thời hạn quy định của phương án điều tra thống kê.

4. Phạt tiền từ trên 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Ghi sai lệch thông tin ban đầu do cá nhân, tổ chức được điều tra thống kê đã cung cấp vào phiếu điều tra;

b) Tự ý ghi thông tin vào phiếu, biểu điều tra thống kê mà không tiến hành điều tra thực tế tại đơn vị được điều tra thống kê theo quy định của phương án điều tra thống kê;

c) Ghi không trung thực, sai sự thật các thông tin có phát sinh vào phiếu, biểu điều tra thống kê theo phương pháp điều tra gián tiếp;

d) Nộp chậm phiếu, biểu điều tra thống kê theo phương pháp điều tra gián tiếp từ 10 ngày trở lên so với thời hạn quy định của phương án điều tra thống kê.

5. Phạt tiền từ trên 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện hoặc cản trở việc thực hiện điều tra thống kê;

b) Khai man hoặc ép buộc người khác khai man thông tin trong điều tra thống kê;

c) Sau 15 ngày công bố kết quả điều tra, không gửi cơ sở dữ liệu cuộc điều tra cho cơ quan thống kê có thẩm quyền thuộc hệ thống tổ chức thống kê tập trung theo quy định;

d) Không cung cấp trực tuyến nội dung và số liệu điều tra thống kê tới thiết bị truy xuất theo yêu cầu của cơ quan tiến hành điều tra hoặc người thực hiện điều tra thống kê do phương án điều tra thống kê quy định.

6. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi phiếu điều tra đối với hành vi vi phạm tại điểm a, b, c khoản 4 và điểm b khoản 5 của Điều này.

Điều 6. Vi phạm quy định về điều tra thống kê ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không gửi kết quả điều tra cho cơ quan thống kê thuộc hệ thống tổ chức thống

kê tập trung theo quy định đối với điều tra thống kê ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước có sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.

2. Phạt tiền từ trên 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi điều tra thống kê ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước tiến hành điều tra để thu thập những thông tin ngoài phạm vi chức năng, lĩnh vực hoạt động khi chưa được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực đó.

3. Phạt tiền từ trên 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi điều tra ngoài hệ thống tổ chức thống kê nhà nước không có quyết định điều tra, phương án điều tra hoặc lợi dụng điều tra thống kê làm phương hại đến lợi ích quốc gia mà chưa tới mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc huỷ bỏ cuộc điều tra thống kê, thu hồi phiếu, biểu điều tra thống kê đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc huỷ bỏ quyết định điều tra, phương án điều tra, phiếu, biểu điều tra thống kê và các kết quả đã thực hiện điều tra đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định về sử dụng mẫu biểu báo cáo thống kê

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi lập báo cáo thống kê không đúng với mẫu biểu do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc huỷ bỏ báo cáo thống kê lập không đúng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về thời hạn báo cáo thống kê, báo cáo tài chính

1. Cảnh cáo đối với hành vi nộp báo cáo chậm so với chế độ quy định dưới 05 ngày đối với báo cáo thống kê tháng; dưới 10 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 9 tháng; dưới 15 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính năm.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi nộp báo cáo chậm so với chế độ quy định từ 05 ngày đến dưới 10 ngày đối với báo cáo thống kê tháng; từ 10 ngày đến dưới 15 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 9 tháng; từ 15 ngày đến dưới 20 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính năm.

3. Phạt tiền từ trên 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi nộp báo cáo chậm so với chế độ quy định từ 10 ngày đến 15 ngày đối với báo cáo thống kê tháng; từ 15 ngày đến dưới 20 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 9 tháng; từ 20 ngày đến dưới 30 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính năm.

4. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi nộp báo cáo chậm so với chế độ quy định từ 20 ngày đến 30 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 9 tháng; từ 30 ngày đến 45 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính năm.

5. Phạt tiền từ trên 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo thống kê, báo cáo tài chính.

Hành vi không báo cáo thống kê, báo cáo tài chính là sau 15 ngày so với chế độ quy định đối với báo cáo thống kê tháng, sau 30 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính quý, 6 tháng, sau 45 ngày đối với báo cáo thống kê, báo cáo tài chính năm mà chưa gửi báo cáo thống kê, báo cáo tài chính cho cơ quan thống kê có thẩm quyền.

Điều 9. Vi phạm quy định về yêu cầu đầy đủ của báo cáo thống kê

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đầy đủ số lượng biểu hoặc chỉ tiêu thống kê của chế độ báo cáo thống kê tháng.

2. Phạt tiền từ trên 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đầy đủ số lượng biểu hoặc chỉ tiêu thống kê của chế độ báo cáo thống kê quý, 6 tháng, 9 tháng.

3. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đầy đủ số lượng biểu hoặc chỉ tiêu thống kê của chế độ báo cáo thống kê năm.

Điều 10. Vi phạm quy định về phương pháp thống kê

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Lập báo cáo thống kê không đúng quy định về phương pháp tính chỉ tiêu trong báo cáo thống kê;

b) Lập báo cáo thống kê không đúng quy định về phạm vi thu thập số liệu thống kê.

2. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ báo cáo thống kê lập không đúng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về yêu cầu chính xác của báo cáo thống kê

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi lập báo cáo thống kê không đầy đủ nguồn số liệu theo quy định.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: